

Số: 92/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Số B, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Anh **Lê Hoàng D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Số D, khu phố K, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Tổ B, Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.**

3.2. Anh **Đặng Quang V**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Số I đường H, khu phố P, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

3.3. Ông **Lê Công T1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: **Số C, khu phố K, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

3.4. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V2).**

Trụ sở chính: **Số A T, phường C, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Trần Minh B**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người được uỷ quyền lại: Chị **Nguyễn Ngọc Anh T2** - Nhân viên quản lý nợ.
Địa chỉ: **Số C đường N, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các điều 299, 320, 357, 440, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lối, lối suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Kim T** và anh **Lê Hoàng D**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị **Nguyễn Thị Kim T** và anh **Lê Hoàng D** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

- Anh **Lê Hoàng D** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên **Lê Quang V1**, sinh ngày 06/8/2012 và **Lê Thị Khánh T3**, sinh ngày 11/01/2015 (hiện 02 con đang sống với anh **D**).

- Anh Duy không yêu cầu chị **Nguyễn Thị Kim T** cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, chị **Nguyễn Thị Kim T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con; không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị **T** và anh **D** tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung:

2.4.1. Anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T**, mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông **Lê Công T1** số tiền vay 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng).

2.4.2. Anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T**, mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh **Đặng Quang V** số tiền vay 225.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2.4.3. Anh **Lê Hoàng D** trả cho anh **Nguyễn Duy K** số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 421.825.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4.4. Anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T** liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** nợ gốc 361.343.830 đồng và nợ lãi tính đến ngày 20/5/2026 tổng số tiền 14.952.433 đồng; tổng cộng gốc, lãi là **376.296.263 đồng** (bằng chữ: Ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/5/2026, anh **D** và chị **T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **V2** thì lãi suất mà anh **D** và chị **T** phải tiếp tục thanh toán cho **V2** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **V2**.

Về xử lý tài sản thế chấp: Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TKĐ.22.005/2022/HĐBĐ/NHCT724 ngày 24/01/2022 đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại **phường S, tỉnh Đồng Tháp** có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp, anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **V2** được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TKĐ.22.005/2022/HĐBĐ/NHCT724 ngày 24/01/2022 để thu hồi nợ; nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì anh **D** và chị **T** phải tiếp tục trả hết khoản nợ. Trường hợp, anh **D** và chị **T** đã thanh toán hết nợ cho **V2** mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thu hồi nợ thì **V2** phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T**.

(Hiện, **V2** đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.5.1. Chị **Nguyễn Thị Kim T** chịu 8.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (gồm 75.000 đồng án phí ly hôn và 8.125.000 đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị **T** đã nộp theo biên lai số 0008209 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc (nay là, Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp) được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ, chị **T** còn phải nộp thêm số tiền 7.900.000 đồng.

2.5.2. Anh **Lê Hoàng D** chịu 17.011.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (gồm 75.000 đồng án phí ly hôn và 16.936.500 đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ). Số tiền tạm ứng án phí 13.800.000 đồng, anh **D** đã nộp theo biên lai số 0006783 ngày 15/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là, Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ, anh **D** còn phải nộp thêm số tiền 3.211.500 đồng.

2.5.3. Anh **Lê Hoàng D** và chị **Nguyễn Thị Kim T** liên đới chịu 9.407.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.5.4. Ông **Lê Công T1** được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5.5. Hoàn trả lại cho anh **Đặng Quang V** số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng, đã nộp theo biên lai số 0007940 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu).

2.5.6. Hoàn trả lại cho anh **Nguyễn Duy K** số tiền tạm ứng án phí 10.436.500 đồng, đã nộp theo biên lai số 0007956 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu).

2.5.7. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền tạm ứng án phí 9.707.000 đồng, đã nộp theo biên lai số 0009618 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu).

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Anh **Lê Hoàng D** chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.800.000 đồng. **Anh D1** đã nộp tạm ứng đủ và chi xong số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKS nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp;
 - THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
 - UBND phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số: 125 ngày 19/10/20210 của UBND xã Tân Phú Đông cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hoàng Anh